

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/DSTC-ST**
Ngày 11 tháng 11 năm 2019.
V/v: “T/C hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Thân
2. Bà Nguyễn Khánh Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Trung - Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Hà Giang.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân
dân thành phố Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST -
DSTC ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc "T/C Hợp đồng vay tài sản" theo quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐST-DSTC ngày 04/10/2019 và QĐ Hoãn
phiên tòa số 07/2019/QĐST- DSTC ngày 22/10/2019; QĐ Hoãn phiên tòa số
08/2019/QĐST- DSTC ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Hiếu T; địa chỉ: SN 21, tổ 08, phường T, thành
phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh N; địa chỉ: Tổ 08, phường T, thành phố H, tỉnh
Hà Giang.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2019, bản tự khai ngày 26/7/2019 và quá trình
giải quyết nguyên đơn chị T khai:

Chị T và chị N có quan hệ họ hàng nên chị N đã hỏi chị vay tiền để làm ăn.
Ngày 22/9/2014 chị đã cho chị N vay số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi

triệu đồng) khi chị giao tiền cho chị N hai bên có viết giấy và ký nhận việc vay nợ. Trong nội dung giấy vay nợ không ghi ngày trả nợ và không thỏa thuận lãi của số tiền vay. Tuy nhiên, trên thực tế chị và chị N có thỏa thuận chị N sẽ trả lãi cho chị phụ thuộc vào việc kinh doanh của chị N. Đến khoảng năm 2017 khi gia đình chị có việc cần phải đòi lại số tiền đã cho chị N vay, chị đã gặp chị N yêu cầu trả nợ nhưng chị N không trả. Do bức xúc chị đã gửi đơn đến Công an đề nghị giải quyết nhưng không có kết quả. Nay chị khởi kiện chị N đến Tòa án nhân dân thành phố H, yêu cầu chị N trả lại cho chị số tiền gốc đã vay là 160.000.000đ và lãi suất của số tiền đã vay tính từ khi vay tiền đến ngày xét xử vụ án, mức áp dụng tính lãi theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 21/8/2019 bị đơn chị N khai: Chị N trình bày nguồn gốc của số tiền 160.000.000đ hiện chị đang nợ chị T là do chị T vay hộ chị từ một người khác chị không biết tên. Thời gian vay tiền vào năm 2014, số tiền vay là 190.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3000đ/1 triệu/1 ngày, do lãi suất cao quá nên chị không chấp nhận trả. Sau đó một thời gian chị trả được một phần gốc và lãi cho chị T là người trực tiếp nhận tiền. Ngày 22/9/2014 qua nhiều lần chị T đòi nợ, chị chưa trả được nên chị đã viết giấy xác nhận đã vay của chị T số tiền 160.000.000đ và theo giấy vay nợ chị đã viết là loại vay không có lãi. Vì điều kiện chị không có tiền để trả nên chưa trả được khoản nợ này cho chị T. Chị N xác nhận hiện nay chị còn nợ của chị T số tiền 160.000.000đ là đúng, chị không nhất trí trả lãi vì trong giấy vay không thỏa thuận lãi suất, mặt khác do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị xin được trả số tiền vay cho chị T làm nhiều lần.

Quá trình Tòa án thực hiện việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/8/2019, ngày 04/9/2019, ngày 13/9/2019 nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Chị T giữ nguyên quan điểm của mình về việc khởi kiện yêu cầu chị N phải trả cho chị số tiền 160.000.000đ, rút yêu cầu đòi số tiền lãi.
- Bị đơn: Chị N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp

với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 3 Điều 144; Điều 147 - BLTTDS; Điều 471, khoản 1 Điều 474; khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688- BLDS năm 2015; khoản 4 Điều 26 NQ 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị N phải trả cho chị T số tiền nợ 160.000.000 đ; về án phí buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại cho T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Mai Thị Hiếu T; địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Thanh N; địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn chị Nguyễn Thanh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Thảo cho chị N vay số tiền 160.000.000đ để chi dùng cá nhân. Như vậy, xác định tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản và là tranh chấp dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015; Hợp đồng được ký kết từ năm 2014 khi bộ luật dân sự năm 2005 còn hiệu lực áp dụng. Tuy nhiên, tại điều 469 - BLDS năm 2015 có quy định về việc cho vay không kỳ hạn có nội dung hình thức phù hợp với Điều 477- BLDS năm 2005. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 469, 357 BLDS năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu đòi nợ của chị T là có cơ sở do quá trình giải quyết chị T đã xuất trình chứng cứ xác định việc chị N có vay của chị T số tiền 160.000.000đ vào ngày 22/9/2014, đó là giấy Biên nhận vay tiền có chữ ký của chị N. Chị N cũng thừa nhận có vay số tiền 160.000.000đ của chị T là đúng, trong nội dung giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ và không có lãi, chị N không thừa nhận việc vay có lãi nên không có căn cứ xác định là vay có lãi, tại phiên tòa chị T cũng không yêu cầu chị N phải trả lãi. Vì vậy, HĐXX xác định đây là loại hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi. Do đó, chị T có quyền đòi nợ bất cứ

khi nào có nhu cầu, và chị T đã thực hiện việc đòi nợ từ năm 2018 nhưng chị N không trả, nay chị T khởi kiện đòi số tiền đã cho chị N vay là phù hợp đúng luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc chị N phải trả cho chị T số tiền nợ là 160.000.000đ.

[4]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 8.000.000,^d (*Tám triệu đồng*).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 469, 357 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 144- Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 NQ 326/ 2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1.3, 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Hiếu T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Thanh N.

- Xử: Buộc chị Nguyễn Thanh N phải trả cho chị Mai Thị Hiếu T số tiền 160.000.000^d (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật mà bên phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí: Buộc chị Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.000.000,^d (*Tám triệu đồng*).

Trả lại cho chị Mai Thị Hiếu T số tiền tạm ứng án phí 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đã nộp tại Chi cục THADS thành phố H BL số: 01297 ngày 25/7/2019.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H.
- Các đương sự.
- CC THADS TP H.
- Lưu HS.
- Lưu bộ ph

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình